PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TƯ PHÁP - BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ TÀI CHÍNH - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

BỘ TƯ PHÁP - BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ TÀI CHÍNH - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Số: 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2013

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về việc phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý; cấp, từ chối, thu hồi và hiệu lực giấy chứng nhận tham gia tố tụng đối với người thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân sau đây:

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên; Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án.

2. Trại tạm giam, Nhà tạm giữ; Giám thị, Phó Giám thị Trại tạm giam, Quản giáo; Trưởng Nhà tạm giữ, Phó trưởng Nhà tạm giữ.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý.

4. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (sau đây viết tắt là Trung tâm), Chi nhánh của Trung tâm (sau đây viết tắt là Chi nhánh); tổ chức hành nghề luật sư, Trung tâm tư vấn pháp luật có đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (sau đây viết tắt là tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý).

Người thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm: Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư là cộng tác viên trợ giúp pháp lý (sau đây viết tắt là Luật sư cộng tác viên), Luật sư làm việc cho tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý (sau đây viết tắt là Luật sư).

5. Người được trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc phối hợp, thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

Chương II
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ, NGƯỜI THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Điều 3. Trách nhiệm của Trung tâm và Chi nhánh

1. Kiểm tra diện người được trợ giúp pháp lý, bảo đảm người được trợ giúp pháp lý có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Cử Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và pháp luật tố tụng; cử Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên khác thay thế theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

3. Cung cấp Bảng thông tin, Tờ thông tin về trợ giúp pháp lý (người được trợ giúp pháp lý; quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý; thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý; địa chỉ, điện thoại liên hệ của Trung tâm, Chi nhánh), Hộp tin trợ giúp pháp lý, mẫu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý, tờ gấp pháp luật, các tài liệu pháp luật có liên quan về trợ giúp pháp lý cho cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ.

4. Thông báo danh sách Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên của Trung tâm, Chi nhánh cho cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ.

5. Thông tin đầy đủ các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong trường hợp có sửa đổi, bổ sung, thay thế cho cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ.

6. Nghiệm thu hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý và chi trả bồi dưỡng cho Luật sư cộng tác viên, phụ cấp cho Trợ giúp viên pháp lý thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên theo thẩm quyền.

Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý

1. Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch này.

2. Cử Luật sư tham gia tố tụng và cử Luật sư thay thế theo quy định của Thông tư liên tịch này.

3. Chuyển vụ việc cho Trung tâm, Chi nhánh trong trường hợp không có Luật sư thay thế theo quy định Điều 6 Thông tư liên tịch này.

4. Thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ địa chỉ, điện thoại liên hệ của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý, Luật sư.

Điều 5. Trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng

1. Khi tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự; người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự trong vụ việc dân sự hoặc người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về trợ giúp pháp lý.

2. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong các trường hợp:

a) Đã là người tiến hành tố tụng trong vụ án đó;

b) Là người thân thích của người đã hoặc đang tiến hành tố tụng trong vụ án đó;

c) Đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của người đó hoặc của bị can, bị cáo;

d) Đã tham gia vụ án đó với tư cách là người làm chứng, người giám định, người phiên dịch;

đ) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Trợ giúp pháp lý.

3. Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong các trường hợp:

a) Đồng thời là đương sự, người đại diện, người thân thích của đương sự;

b) Thuộc trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều này.

4. Trong lĩnh vực tố tụng hành chính, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong các trường hợp:

a) Thuộc các trường hợp quy định tại điểm d và đ khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

b) Đã tham gia vào việc ra quyết định hành chính hoặc có liên quan đến hành vi hành chính bị khởi kiện;

c) Đã tham gia vào việc ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện;

d) Đã tham gia vào việc ra quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức hoặc đã tham gia vào việc ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức bị khởi kiện;

đ) Đã tham gia vào việc ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh bị khởi kiện;

e) Đã tham gia vào việc lập danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi kiện.

5. Trong quá trình tham gia tố tụng, nếu phát hiện người tiến hành tố tụng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây phiền hà, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo pháp luật thì người thực hiện trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng, đồng thời báo cáo tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

Điều 6. Thay thế người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng

Người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng bị thay thế trong các trường hợp sau:

1. Cơ quan tiến hành tố tụng từ chối cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng theo Điều 12 Thông tư liên tịch này.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý thay thế. Trường hợp không đồng ý với việc từ chối của cơ quan tiến hành tố tụng thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng vẫn phải cử người thay thế.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng theo Điều 13 Thông tư liên tịch này.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử người thay thế, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư liên tịch này (Quyết định cử người thay thế theo mẫu TP-TGPL-4B ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BTP ngày 01/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số biểu mẫu dùng trong hoạt động trợ giúp pháp lý).

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN VÀ CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG, TRẠI TẠM GIAM, NHÀ TẠM GIỮ

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng

1. Cấp, từ chối, thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 10, Điều 12 và Điều 13 Thông tư liên tịch này.

2. Niêm yết Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý, đặt Hộp tin trợ giúp pháp lý; phát miễn phí tờ gấp pháp luật, mẫu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và các tài liệu pháp luật có liên quan về trợ giúp pháp lý tại các địa điểm tiếp dân của cơ quan mình.

3. Yêu cầu Trung tâm, Chi nhánh phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông và hướng dẫn về trợ giúp pháp lý.

4. Thông báo thời gian, địa điểm xét hỏi bị can, bị cáo hoặc người bị tạm giữ cho người thực hiện trợ giúp pháp lý là người bào chữa tham dự.

5. Đối với việc xét xử, Tòa án thông báo lịch xét xử bằng văn bản cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý đã được cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng ít nhất 10 ngày trước ngày xét xử. Đối với vụ án xét xử theo thủ tục rút gọn, Tòa án thông báo lịch xét xử bằng văn bản cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý đã được cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng ít nhất 7 ngày trước ngày xét xử. Tòa án ghi rõ trong bản án, quyết định tên và chức danh của người thực hiện trợ giúp pháp lý do tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử tham gia tố tụng và ghi rõ ý kiến hoặc quan điểm của họ khi bào chữa, đại diện, bảo vệ quyền lợi của người được trợ giúp pháp lý.